

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHỤ ĐẠO HỌC SINH YẾU KÉM
NĂM HỌC: 2021- 2022

Thực hiện kế hoạch số 37/KH-THCSTM ngày 11 tháng 10 năm 2021 của hiệu trưởng trường THCS Trà Mai về việc phụ đạo học sinh yếu kém năm học 2021-2022.

Qua quá trình thực hiện, nhà trường báo cáo tổng kết công tác phụ đạo học sinh yếu kém năm học 2021-2022 như sau :

I. Đặc điểm tình hình.

1. Thuận lợi:

- Nhà trường chú trọng chăm lo đến chất lượng của học sinh toàn trường, đặc biệt là đối tượng học sinh nghèo vượt khó, học giỏi. Đã có kế hoạch triển khai công tác phụ đạo học sinh yếu kém chặt chẽ, khoa học và thường xuyên kiểm tra đánh giá.

- Đội ngũ giáo viên dạy phụ đạo nhiệt tình, có trách nhiệm và có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn vững vàng trong việc giảng dạy và ôn tập.

- Cơ sở vật chất, phòng học đảm bảo đủ điều kiện cho học sinh học tập.

2. Khó khăn:

- HS chưa có ý thức tự học, tự bồi dưỡng. Gia đình học sinh chưa chú trọng đúng mức đến việc học tập, bồi dưỡng phụ đạo của con em. Một số phụ huynh chưa quản lý được con em trong thời gian ở nhà.

- Chất lượng thực tế của học sinh qua khảo sát đầu năm còn thấp, học sinh yếu còn nhiều. Tỷ lệ học sinh có sự chuyển biến về chất lượng chưa nhiều.

- Đa số những học sinh yếu kém là những học sinh không chuyên cần, nên việc tổ chức các tiết bồi dưỡng trái buổi học sinh tham gia rất ít. Một học sinh yếu thường yếu cả 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

- Số tiết để thực hiện phụ đạo còn ít, chỉ thực hiện lồng ghép trong quá trình giảng dạy chính khóa.

- Tình hình dịch bệnh kéo dài, diễn biến phức tạp nên học sinh còn chủ quan, lơ là trong việc học tập.

II. Công tác lập kế hoạch và phân loại học sinh

1. Công tác lập kế hoạch dạy học phụ đạo học sinh yếu kém

- Từ đầu tháng 10/2021 nhà trường đã tiến hành lên kế hoạch dạy học phụ đạo học sinh yếu kém trong các bộ môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh.

- Tổ chức cho giáo viên bộ môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm khảo sát, nắm bắt tình hình, phân loại và lập danh sách học sinh đề nghị phụ đạo ở từng bộ môn.

- Chỉ đạo cho giáo viên phân loại mức độ yếu kém của từng học sinh và có biện pháp cụ thể đối với từng đối tượng học sinh.

2. Công tác phân loại học sinh yếu kém.

Số học sinh thuộc diện yếu kém của trường được khảo sát.

Khối	TS HS	HS yếu môn Toán	HS yếu môn Ngữ văn	HS yếu môn Tiếng Anh
6	69	49	23	48
7	68	52	13	31
8	69	46	16	30
9	56	48	21	27
Toàn trường	262	195	73	136

II. Đánh giá công tác phụ đạo học sinh yếu kém.

1. Việc thực hiện kế hoạch và chương trình giảng dạy.

a. Ưu điểm.

- Nhà trường tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém bắt đầu từ tháng 10 năm 2021, có quyết định phân công giáo viên trực tiếp phụ trách công tác bồi dưỡng ở từng bộ môn.

- Giáo viên bộ môn đã xác định, phân loại học sinh yếu kém, lập chương trình phụ đạo theo kế hoạch của trường đề ra.

- Giáo viên phụ trách các lớp đã thực hiện khá nghiêm túc công tác phụ đạo học sinh yếu kém. (vào các tiết ôn và rèn, và có nhiều hình thức nâng cao chất lượng học sinh)

- Thực hiện soạn bài đầy đủ trước khi lên lớp, cập nhật kịp thời thông tin về học sinh phụ đạo trong sổ theo dõi phụ đạo của giáo viên.

- Đánh giá cụ thể chi tiết sự chuyên cần, sự tiến bộ của học sinh qua từng tháng dạy học trong sổ theo dõi phụ đạo học sinh yếu kém. Báo cáo kịp thời với BGH để có biện pháp nhắc nhở uốn nắn kịp thời.

- Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với giáo viên bộ môn để phụ đạo những đối tượng học sinh yếu có chất lượng hơn.

b. Tồn tại:

- Một số giáo viên chưa theo dõi sát từng đối tượng học sinh yếu kém để có biện pháp phụ đạo phù hợp dẫn đến chất lượng học sinh chưa tiến bộ nhiều.

- Đối với học sinh yếu do lười nhác, chưa chuyên cần giáo viên Chủ nhiệm và giáo viên bộ môn chưa phối kết hợp tốt để vận động các em tham gia học tập thường xuyên.

2. Chất lượng học sinh

- Học sinh tham gia học tập nghiêm túc, chuyên cần. Có ý thức xây dựng bài trên lớp. Làm bài tập ở nhà đầy đủ. Có sự chuyển biến chất lượng tích cực qua từng đợt khảo sát và kiểm tra học kì.

- Giáo viên giảng dạy đã tiến hành kiểm tra bài cũ và việc làm bài tập ở nhà của học sinh, kiểm tra thường xuyên, định kì. Theo dõi động viên học sinh đến lớp chuyên cần. Đánh giá đúng sự tiến bộ của học sinh qua từng tháng, kì để có biện pháp chấn chỉnh đối với những em chưa tiến bộ.

- Chất lượng học tập của học sinh cơ bản đã có sự tiến bộ khá rõ nét qua đợt kiểm tra cuối học kì 2.

- Kết quả học tập của các đối tượng yếu kém tính đến cuối năm như sau:

Khối	TS HS	HS yếu môn Toán	HS yếu môn Ngữ văn	HS yếu môn Tiếng Anh
6	4	1	2	1
7	7	0	5	2
8	7	0	4	0
9	0	0	0	0
Toàn trường		1	11	3

3. Công tác quản lý và chỉ đạo.

- Giáo viên dạy đảm bảo đúng kế hoạch, chương trình. Kết hợp dạy chuyên đề và rèn luyện kiến thức trọng tâm, kĩ năng cơ bản.

- GVCN có học sinh học ở các lớp phụ đạo đã theo dõi chặt chẽ quá trình học tập, sự chuyển biến chất lượng của các em qua giáo viên dạy phụ đạo và tình hình học tập của các em trên lớp chính khóa. Động viên, nhắc nhở các em thường xuyên. Kết hợp chặt chẽ với gia đình để quản lý tốt việc học tập của con em ở nhà, ở trường.

- Ban giám hiệu đã bố trí thời khóa biểu, phòng học phụ đạo khá hợp lí, khoa học, đảm bảo không chồng chéo. Kiểm soát chương trình, giáo án, thời gian phụ đạo một cách khá thường xuyên chặt chẽ.

- Đã tiến hành họp phụ huynh để thông báo tình hình học tập của HS cho phụ huynh và yêu cầu phụ huynh kiểm soát chặt chẽ việc học tập của con em ở nhà. Nắm bắt tình hình, thời gian học tập của con em trên lớp. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên giảng dạy để động viên, chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời học sinh có biểu hiện sa sút.

*** Tồn tại:**

- Công tác quản lý đối tượng học sinh yếu của giáo viên giảng dạy vẫn chưa thật chặt chẽ. Vẫn còn đối tượng học sinh yếu vắng học trong các buổi học chính khóa, cũng như phụ đạo.

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên quỹ thời gian để phụ đạo ít; và việc đánh giá xếp loại cuối năm còn nhẹ nhàng.

- Số lượng học sinh yếu vẫn còn khá nhiều, nhất là bộ môn Ngữ văn

4. Kế hoạch tiếp theo

a. Đối với nhà trường:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch công tác phụ đạo học sinh yếu trong hè năm 2022 cho những đối tượng thuộc diện xếp loại yếu phải thi lại.

- Tiến hành lên lịch họp phụ huynh có học sinh yếu để có biện pháp phối hợp trong công tác phụ đạo học sinh yếu trong thời gian hè

- Gặp mặt học sinh yếu, tổ chức tuyên dương các học sinh yếu có tiến bộ trong đợt kiểm tra học kì 2, gặp gỡ động viên học sinh yếu tích cực tham gia bồi dưỡng trong hè.

b. Đối với Tổ chuyên môn:

- Tiến hành họp rút kinh nghiệm và bàn bạc kế hoạch tiếp nối nhằm khắc phục những khó khăn trước mắt. Nâng cao chất lượng dạy của thầy, học của trò.

- Tổ bộ môn cần họp, góp ý thảo luận những bài dạy khó, kiến thức phức tạp để tìm cách tháo gỡ kịp thời để giúp học sinh hiểu bài tại lớp.

- Hướng dẫn giáo viên biên soạn nội dung ôn tập trong hè để phô tô gửi học sinh học tập trong hè.

c. Đối với giáo viên phụ đạo:

- Tiếp tục nắm bắt quan điểm chỉ đạo về công tác phụ đạo học sinh yếu của Phòng GD&ĐT Nam Trà My, kế hoạch nhà trường, xây dựng kế hoạch cá nhân để có biện pháp tốt trong quá trình dạy phụ đạo học sinh yếu. Tự học và nâng cao trình độ, kiến thức để thực hiện công tác phụ đạo học sinh yếu tốt hơn.

d. Đối với học sinh:

- Tiếp tục học phụ đạo khi có kế hoạch, rèn luyện các kiến thức và kỹ năng theo hướng dẫn của giáo viên phụ đạo.

- Biết tự học và học ở nhà để củng cố các kiến thức còn thiếu ở những bộ môn yếu cuối học kì.

- Kết quả phân đầu: 100% học sinh đủ điều kiện lên lớp sau thi lại.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác phụ đạo học sinh yếu năm học 2021-2022 của trường PTDTBT THCS Trà Mai.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Tổ CM, GV;
- Lưu: VT, CM.



THỐNG KÊ HỌC LỰC VÀ HÀNH KIỂM CUỐI NĂM - NĂM HỌC 2021 -2022

Lớp	Tổng số học sinh	HỌC LỰC										HÀNH KIỂM									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%		
7	69	15	21.7	28	40.6	26	37.7	0	0.0	0	0.0	64	92.8	5	7.2	0	0.0	0	0.0		
8	68	13	19.1	21	30.9	30	44.1	4	5.9	0	0.0	62	91.2	6	8.8	0	0.0	0	0.0		
9	55	7	12.7	22	40.0	26	47.3	0	0.0	0	0.0	49	89.1	6	10.9	0	0.0	0	0.0		
Cộng	192	35	18.2	71	37.0	82	42.7	4	2.1	0	0.0	175	91.1	17	8.9	0	0.0	0	0.0		

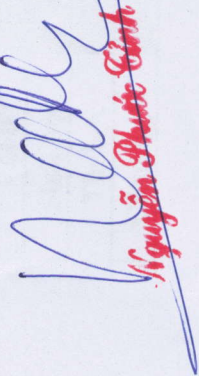
THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP- KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CUỐI NĂM HỌC 2021-2022 KHỐI 6

Lớp	Tổng số học sinh	KẾT QUẢ HỌC TẬP								KẾT QUẢ RÈN LUYỆN								Kiểm tra HL	Kiểm tra HK	Đúng
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt				
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
6	68	10	14.7	15	22.1	42	61.8	1	1.5	62	91.2	5	7.4	1	1.5	0	0.0	Đúng	Đúng	

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trà Mai, ngày 15 tháng 5

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



 Nguyễn Phước Cảnh


Nguyễn Khắc Điệp

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TRÀ MAI

Thống kê điểm trung bình các môn khối 6, 7, 8, 9 cả năm - Năm học 2021-2022

Khối lớp	Lớp	TS HS	Điểm trung bình môn											
			0 - 3,4 đ		3,5 - 4,9 đ		5,0 - 6,4 đ		6,5 - 7,9 đ		>= 8,0 đ		Từ 5,0đ trở lên	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 6	Toán	68	0	0	1	1.47	37	54.41	19	27.94	11	16.18	67	98.53
	KHTN	68	0	0	1	1.47	34	50	20	29.41	13	19.12	67	98.53
	Tin học	68	0	0	0	0	18	26.47	36	52.94	14	20.59	68	100
	Công nghệ	68	0	0	0	0	32	47.06	24	35.29	12	17.65	68	100
	Văn	68	0	0	2	2.94	41	60.29	15	22.06	10	14.71	66	97.06
	LS-DL	68	0	0	0	0	11	16.18	37	54.41	20	29.41	68	100
	Tiếng Anh	68	0	0	1	1.47	37	54.41	19	27.94	11	16.18	67	98.53
	GDCD	68	0	0	1	1.47	29	42.65	21	30.88	17	25	67	98.53
Khối 7	Toán	69	0	0	0	0	34	49.28	23	33.33	12	17.39	69	100
	Vật lí	69	0	0	0	0	46	66.67	12	17.39	11	15.94	69	100
	Sinh học	69	0	0	0	0	7	10.14	27	39.13	35	50.72	69	100
	Tin học	69	0	0	0	0	11	15.94	31	44.93	27	39.13	69	100
	Công nghệ	69	0	0	0	0	27	39.13	19	27.54	23	33.33	69	100
	Văn	69	0	0	5	7.25	40	57.97	16	23.19	8	11.59	64	92.75
	Sử	69	0	0	0	0	15	21.74	29	42.03	25	36.23	69	100
	Địa lí	69	0	0	0	0	8	11.59	24	34.78	37	53.62	69	100
	Tiếng Anh	69	0	0	0	0	39	56.52	17	24.64	13	18.84	69	100
	GDCD	69	0	0	0	0	10	14.49	25	36.23	34	49.28	69	100
	Toán	68	0	0	0	0	39	57.35	20	29.41	9	13.24	68	100
	Vật lí	68	0	0	8	11.76	27	39.71	21	30.88	12	17.65	60	88.24
	Sinh học	68	0	0	0	0	11	16.18	12	17.65	45	66.18	68	100
	Tin học	68	0	0	0	0	25	36.76	24	35.29	19	27.94	68	100
	Công nghệ	68	0	0	0	0	30	44.12	20	29.41	18	26.47	68	100

Khối 8	Hóa học	68	0	0	0	3	4.41	31	45.59	21	30.88	13	19.12	65	95.59
	Văn	68	0	0	0	4	5.88	37	54.41	17	25	10	14.71	64	94.12
	Sử	68	0	0	0	0	0	17	25	15	22.06	36	52.94	68	100
	Địa lí	68	0	0	0	0	0	12	17.65	24	35.29	32	47.06	8	11.76
	Tiếng Anh	68	0	0	0	0	0	39	57.35	20	29.41	9	13.24	68	100
	GDCD	68	0	0	0	0	0	10	14.71	19	27.94	39	57.35	68	100
	Toán	55	0	0	0	0	0	40	72.73	10	18.18	5	9.09	55	100
Khối 9	Vật lí	55	0	0	0	5	9.09	35	63.64	10	18.18	5	9.09	50	90.91
	Sinh học	55	0	0	0	1	1.82	25	45.45	22	40	7	12.73	54	98.18
	Tin học	55	0	0	0	0	0	14	25.45	22	40	19	34.55	55	100
	Công nghệ	55	0	0	0	0	0	29	52.73	18	32.73	8	14.55	55	100
	Hóa học	55	0	0	0	0	0	44	80	4	7.27	7	12.73	55	100
	Văn	55	0	0	0	0	0	24	43.64	22	40	9	16.36	55	100
	Sử	55	0	0	0	0	0	19	34.55	28	50.91	8	14.55	55	100
	Địa lí	55	0	0	0	0	0	18	32.73	24	43.64	13	23.64	55	100
	Tiếng Anh	55	0	0	0	0	0	40	72.73	10	18.18	5	9.09	55	100
	GDCD	55	0	0	0	4	7.27	15	27.27	24	43.64	12	21.82	51	92.73

Ghi chú: Tuyệt đối không nhập số liệu hoặc sửa chữa gì trong các ô đã tô màu vàng

Người lập

